

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ SÊ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 19 - 7 - 2021

*“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Dậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Siu Tơ Lul.
2. Bà Đinh Thị Tuyết Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST – DS, ngày 12 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST - DS, ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đ Việt Nam.

Địa chỉ: Tháp B, X V, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Q - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ Nam Gia Lai.

Ông Đặng Văn Q ủy quyền cho ông Đinh Xuân H. Chức vụ: chuyên viên phòng khách hàng 3 thuộc Chi nhánh ngân hàng TMCP Đ Nam Gia Lai. (Theo Giấy ủy quyền số 292/QĐ-BIDV.NGL ngày 01/4/2021).

Địa chỉ: XP, phường H, thành phố K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1979. Địa chỉ: XX V, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Hồng L, sinh năm 1976. Địa chỉ: XX V, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Nam Gia Lai (Ngân hàng) trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2017/2221899/HĐTD ngày 26/7/2017 thì bà Phạm Thị Mỹ H đã vay của Ngân hàng số tiền 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*) với mục đích kinh doanh hàng nông sản. Thời hạn cho vay là 09 tháng. Lãi suất vay trong hạn là 10%/năm được cố định đến ngày 28/02/2018, lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 120% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian trả.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, bà Phạm Thị Mỹ H và ông Phan Hồng L (chồng bà H) đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản sau:

Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 65, diện tích 147,5 m<sup>2</sup>, địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai đã được UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/2006 mang tên ông Phan Hồng L và bà Phạm Thị Mỹ H, tài sản trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/2221899/HĐBĐ ngày 17/09/2014, công chứng ngày 17/9/2014 tại Văn phòng công chứng S và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 17/9/2014 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/2221899/HĐBĐ ngày 17/9/2014, số 01/2016/2221899/SĐBS được công chứng ngày 28/4/2016 tại Văn phòng công chứng S; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/2221899/HĐBĐ ngày 17/9/2014, số 01/2017/2221899/SĐBS được công chứng ngày 25/12/2017 tại Văn phòng công chứng S.

Trong quá trình vay tiền bà H đã trả được tiền lãi từ ngày 26/12/2017 cho đến ngày 03/6/2018 với số tiền 39.507.289 đồng (*Ba mươi chín triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn hai trăm tám mươi chín đồng*). Từ ngày 04/6/2018 đến nay bà H vẫn chưa trả được nợ gốc và nợ lãi. Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn cho bà Phạm Thị Mỹ H và ông Phan Hồng L đề nghị bên vay thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi quá hạn cho ngân hàng chậm nhất vào ngày 31/8/2020 nhưng bà H không muốn hợp tác, không có thiện chí trong việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Mỹ H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền sau: Nợ gốc là 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 04/6/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2021 là 332.229.697 đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn theo hợp đồng là 28.054.355 đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng*), nợ lãi quá hạn là 304.175.342 đồng (*Ba trăm lẻ bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*). Tổng cộng: 1.232.229.697 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng*).

Trường hợp bà Phạm Thị Mỹ H không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Tại Bản tự khai ngày 11/5/2021, bị đơn bà Phạm Thị Mỹ H trình bày như sau: Bà công nhận có vay của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam Chi nhánh Nam Gia Lai số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*), mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình. Nay bà không có khả năng trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp bà không trả được nợ đề nghị tòa án xử lý tài sản đã thế chấp, bà sẽ không yêu cầu hay khiếu nại gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông Phan Hồng L nhưng ông L không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông Phan Hồng L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hồng L đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phần nội dung: Căn cứ các Điều 280, 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng: Buộc bà Phạm Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng ) nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị Mỹ H và ông Phan Hồng L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 075305 được UBND huyện S cấp ngày 10/9/2006 khi bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà Phạm Thị Mỹ H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giải quyết « Tranh chấp Hợp đồng tín dụng », giữa: Ngân hàng với bị đơn bà Phạm Thị Mỹ H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Hồng L. Cùng địa chỉ: XV, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hồng L đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2].** Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Hình thức và nội dung Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2017/2221899/HĐTD, ngày 26/7/2017 mà hai bên ký kết phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày các bên xác lập.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng bà Phạm Thị Mỹ H đã nhận đủ số tiền 900.000.000 đồng (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*) và chỉ mới trả lãi đến ngày 03/6/2018. Đến thời hạn trả nợ gốc 26/9/2018 bà Phạm Thị Mỹ H không trả tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại cho Ngân hàng. Việc bà H không thanh toán tiền nợ theo hợp đồng đã ký kết cho ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam Chi nhánh Nam Gia Lai số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 04/6/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2021 là 332.229.697 đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn theo hợp đồng là 28.054.355 đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm năm mươi lăm*), nợ lãi quá hạn là 304.175.342 đồng (*Ba trăm lẻ bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*). Tổng cộng: 1.232.229.697 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng*).

**[3].** Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/2221899/HĐBĐ ngày 17/09/2014, công chứng ngày 17/9/2014 tại Văn phòng công chứng S và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 17/9/2014 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/2221899/HĐBĐ ngày 17/9/2014, số 01/2016/2221899/SĐBS được công chứng ngày 28/4/2016 tại Văn phòng công chứng S; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/2221899/HĐBĐ ngày 17/9/2014, số 01/2017/2221899/SĐBS được công chứng ngày 25/12/2017 tại Văn phòng công chứng S giữa Ngân hàng với bà Phạm Thị Mỹ H và ông Phan Hồng L phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự.

Ngày 16/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Chư Sê đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kiểm tra hiện trạng sử dụng xác định được hiện trạng sử dụng đất có ranh giới tứ cận, vị trí, tờ bản đồ đất phù hợp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số AE 075305 được UBND huyện S cấp ngày 10/9/2006. Tại thời điểm thẩm định, tài sản không có tranh chấp với bên thứ ba nên Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng thế chấp và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Vậy nên, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị Mỹ H và ông Phan Hồng L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ theo Điều 299 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[4]. Về chi phí Xem xét thẩm định tại chỗ: bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.200.000 đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*). Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí này nên cần buộc ông bà Phạm Thị Mỹ H có nghĩa vụ thanh toán lại 2.200.000 đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*) cho Ngân hàng, phù hợp với Điều 155, 156, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 467, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Buộc bà Phạm Thị Mỹ H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam – thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam Chi nhánh Nam Gia Lai số nợ gốc là 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tính từ ngày 04/6/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2021 là 332.229.697 đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn theo hợp đồng là 28.054.355 đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng*), nợ lãi quá hạn là 304.175.342 đồng (*Ba trăm lẻ bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*).

Tổng cộng: 1.232.229.697 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng*).

*“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”.* (Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam Chi nhánh Nam Gia Lai có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị Mỹ H và ông Phan Hồng L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 075305 được UBND huyện Chư Sê cấp ngày 10/9/2006 khi bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Trường hợp bà Phạm Thị Mỹ H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/2221899/HĐBĐ ngày 17/09/2014, công chứng ngày 17/9/2014 tại Văn phòng công chứng S và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 17/9/2014 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện S; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/2221899/HĐBĐ ngày 17/9/2014, số 01/2016/2221899/SĐBS được công chứng ngày 28/4/2016 tại Văn phòng công chứng S; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/2221899/HĐBĐ ngày 17/9/2014, số 01/2017/2221899/SĐBS được công chứng ngày 25/12/2017 tại Văn phòng công chứng S để thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam Chi nhánh Nam Gia Lai chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.200.000 đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

5. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 48.966.891 đồng (*Bốn mươi tám triệu chín trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm chín mươi một đồng*) {[36.000.000 đồng + 3% x (1.232.229.697 đồng – 800.000.000 đồng)]} để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam Chi nhánh Nam Gia Lai số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.267.335 đồng (*Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi bảy*

ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0011180 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

**6. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Chư Sê;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Bùi Thị Dậu**